

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **112** /2020/HNGĐ - ST

Ngày: 29 -7 - 2020

V/v Ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Thế Hùng

2. Bà Hoàng Thị Thu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký TAND huyện Yên Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa:

Bà Hồ Thị Đào - Kiểm sát viên

Ngày 29/7/2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc Ly hôn và nuôi con chung. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 26/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị LTD, sinh năm: 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã NK, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh NNT, sinh năm: 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 2, xã YP, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của chị LTD ngày 10/02/2020 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị LTD trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh NNT xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn ngày 08/10/2002 tại UBND xã VN (Nay là xã Ninh Khang), huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chơi bời, không chịu tu chí làm ăn dẫn đến nghiện ngập. Chị và gia đình phân tích khuyên giải nhưng anh T không thay đổi mà ngày càng lún sâu vào con đường nghiện ngập, có lần anh còn đánh đập chị. Vợ chồng sống ly thân 5 năm nay. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Cháu H, sinh ngày 17/7/2003. Hiện nay cháu Hải đang ở cùng với chị. Khi ly hôn nguyên vọng của chị được trực tiếp nuôi con. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh NNT vắng mặt không có lý do. Qua xác minh anh T không có mặt tại nơi đăng ký nhân khẩu thường trú. Căn cứ địa chỉ và số điện thoại do nguyên đơn cung cấp, ngày 24 tháng 02 năm 2020 TAND huyện Yên Định ban hành Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ cho TAND thành phố Dĩ An tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, anh T đã thay đổi nơi tạm trú nên việc ủy thác không đạt kết quả.

Tòa án đã giao các thủ tục tố tụng cho L là mẹ đẻ anh T. Bà Lý đã thông báo cho anh T biết Tòa án đang giải quyết việc ly hôn của anh với chị D, nhưng anh T vẫn không đến Tòa để giải quyết. Vì vậy, TAND huyện Yên Định đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 18 tháng 3 năm 2020 bà L mẹ đẻ anh NNT trình bày như sau:

Về Hôn nhân: Anh T và chị D có đăng ký kết hôn với nhau và có tổ chức cưới hỏi năm 2002. Sau khi cưới vợ chồng sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chơi bời và nghiện ngập. Chị D bỏ về nhà mẹ đẻ sống từ đầu năm 2016. Tháng 02/2020 anh T có sang nhà chị D vợ chồng có lời qua tiếng lại, anh T có đánh chị D bị thương tích. Vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau. Bà nhận định tình cảm giữa anh T và chị D không còn. Chị D làm đơn ly hôn bà cũng thống nhất.

Về con chung: Vợ chồng chị D và anh T có 01 con chung là Cháu H. Hiện nay cháu Hải đang ở với chị D.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng chị D và anh T không có tài sản chung và công nợ chung.

Về thủ tục tố tụng: Bà Lý trình bày, bà đã nhận được các giấy tờ của Tòa án gửi, bà đã thông báo cho anh T biết và anh T đề nghị bà nhận thay anh các giấy tờ Tòa án giao.

Tại biên bản xác minh ngày 15 tháng 6 năm 2020 bà L mẹ đẻ anh NNT trình bày như sau: Bà đã nhận được Giấy triệu tập và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hòa giải. Bà có điện thoại cho anh T, anh T đã thay đổi số điện thoại nên bà không liên lạc được, bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T.

Tại buổi xác minh, Thẩm phán đưa số điện thoại mới 0325784460 của anh T do chị D mới cung cấp. Bà Lý đã gọi điện cho anh T và bật loa ngoài cho mọi người

nghe, có sự chứng kiến của Tòa án và cán bộ tư pháp xã Yên Phong. Bà Lý thừa nhận giọng nói trong điện thoại là của anh T. Anh T trình bày anh đã biết chị D làm đơn xin ly hôn. Tòa án Thành phố Dĩ An đã gửi giấy triệu tập anh lên làm việc, nhưng anh không đến Tòa án Dĩ An và anh cũng không về Tòa án huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa để làm việc, vì anh bận công việc làm ăn. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị D. Anh đồng ý ly hôn. Về con chung có 01 con chung là Cháu H, sinh ngày 17/7/2003. Anh T đồng ý giao con cho chị D nuôi dưỡng. Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đề nghị Tòa án giao toàn bộ giấy tờ thủ tục của Tòa án cho bà Lý nhận, bà Lý sẽ thông tin lại cho anh. Anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, sau khi xét xử xong giao bản án cho bà Lý. Lời nói qua điện thoại của anh T đã được ghi lại toàn bộ có sự xác nhận của bà Lý và đại diện chính quyền địa phương.

Tại phiên tòa: Anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

Chị D vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn và nuôi con, vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật TTDS. Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đề nghị HĐXX: Xử cho chị LTD được ly hôn anh NNT. Về con chung: Giao cháu H, sinh ngày 17/7/2003 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm. Vì quyền lợi của con hai bên có quyền thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung (nếu có) theo quy định. Về án phí: Chị Dung phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

{ 1} Về tố tụng:

1.1. *Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án:* Căn cứ theo chứng cứ tài liệu do nguyên đơn cung cấp, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn của chị D và anh T là đúng quy định về thẩm quyền xét xử theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. *Về sự vắng mặt của bị đơn:*

Quá trình giải quyết anh T không có mặt tại nơi đăng ký nhân khẩu thường trú. Hiện tại anh T đang làm ăn tại thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, nhưng không cho nguyên đơn, gia đình và Tòa án biết địa chỉ cụ thể. Toà án đã giao các văn bản tố tụng cho người thân thích của anh T để giao cho anh T. Đồng thời, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Thông báo cho anh T biết việc Tòa án đang tiến hành giải quyết vụ án ly hôn giữa chị D và anh. Anh T đã biết việc Toà án đang giải quyết việc ly hôn của mình, nhưng vẫn không về và cũng cố tình không cung cấp địa chỉ nơi ở và làm việc hiện nay cho Toà án. Như vậy, đây thuộc trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, nhằm trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Căn cứ khoản 6 điều 9 Nghị quyết 05/2012/NQ - HĐTP TANDTC ngày 03/12/2012 và điểm a khoản 2 điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ - HĐTP TANDTC ngày 05/5/2017 Toà án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần, nhưng không đến tham gia phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật.

{2} Về nội dung:

2.1. *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau, anh T không chịu làm ăn, ham chơi nên dẫn đến nghiện ma túy. Đó là nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Hai bên sống ly thân từ năm 2015 đến nay.

Đánh giá thực trạng mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng: Chị D và anh T sống ly thân 5 năm nay, hai bên không ai quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh T đã mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là phù hợp.

2.2. *Về con chung*: Chị và anh T có 01 con chung là Cháu H, sinh ngày 17/7/2003. Hiện tại đang ở với chị D. Nguyên vọng của chị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy: Nguyên vọng xin nuôi con của chị D chính đáng, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng chị D không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

2.3. *Về tài sản và công nợ chung*: Chị D trình bày vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

2.4. *Về án phí*: Chị D khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng:* Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm b khoản 2 điều 227, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS. Khoản 6 điều 9 Nghị quyết 05/2012/NQ - HĐTP TANDTC ngày 03/12/2012. Điểm a khoản 2 điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ - HĐTP TANDTC ngày 05/5/2017. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- *Tuyên xử:*

Về hôn nhân: Chấp nhận chị LTD được ly hôn anh NNT.

Về con chung: Giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, sinh ngày 17/7/2003. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị D không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị LTD phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn*) mà chị D đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2015/0003557 ngày 11/02/2020. Chấp nhận chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho chị D trong hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Đối với anh T vắng mặt, thời hạn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKS huyện Yên Định;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND xã VN (Nay xã NK);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Thắng

